

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **658** /2017/HSPT

Ngày 07-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tiến Phong

Ông Nguyễn Văn Phở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát Viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 531/2017/HSPT ngày 11/7/2017 đối với bị cáo Lê Thị D và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hành sự sơ thẩm số 63/2017/HSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị D, sinh năm 1975; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ thôn A, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; con ông Lê Ngọc C và bà Phạm Thị D; có chồng là Nguyễn Văn H; tiền án, tiền sự không; nhân thân có 01 tiền án đã được xóa (Bản án số 03/2012/HSST ngày 10/01/2012, Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc"); tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016; hiện bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Thị H (tức M), sinh ngày 21/3/1998; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở thôn P, xã Đ, huyện S, Hà Nội; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 11/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; con ông Nguyễn Duy Kh và bà Nguyễn Thị Q; tiền án, tiền sự không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016; hiện bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa;

3. Nguyễn Văn V, sinh năm 1996; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở thôn 8, xã H, huyện S, Hà Nội; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc kinh; tôn giáo không; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thùy D; tiền án, tiền sự không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016; hiện bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa;

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V: Bà Đặng Thị C và ông Lê Đình S – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – **có mặt**.

Người bị hại có kháng cáo: Chị Văn Thị Y, sinh năm 1995; trú tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc - có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn H; địa chỉ thôn A, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S, Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ chị Văn Thị Y có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn H là chồng của Lê Thị D, nên D đã đuổi không cho chị Y làm việc tại quán hát của mình nhưng chị Y vẫn liên lạc với anh H.

Tối ngày 28.5.2016, chị Y đi từ Hà Nội lên thuê nhà nghỉ ở Cầu V, xã Hợp Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang. khi phát hiện anh H lên Bắc Giang đón chị Y đưa xuống Phù Lỗ, D chuẩn bị 01 chiếc kéo với mục đích gập chị Y sẽ cắt tóc làm nhục chị Y. Sau đó, D đi xe máy sang nhà nghỉ ở Cầu V, thấy xe taxi đến đón chị Y liền

bám theo sau. Khi đến công chợ Nĩ, D gửi xe máy và gọi taxi do anh Đỗ Văn B lái bám theo xe chở chị Y. Trên đường đi, D gọi điện cho Nguyễn Văn V rủ đi có Việc. V đồng ý, lúc đó có Nguyễn Thị H là người yêu của V biết nên xin đi cùng. D đón V, H tại ngã ba thôn M, xã Ph và nói cho V, H biết Việc đang tìm Y để đánh ghen, đồng thời bảo anh B lái xe đuổi theo xe chị Y. Đến đoạn đường mới thuộc thôn D, xã T thì D bảo lái xe chặn đầu xe của Y. D, H xuống xe bảo chị Y sang xe taxi của D. Chị Y không đồng ý thì D dùng tay tát 02 cái vào mặt chị Y rồi cùng H lôi chị Y sang xe của mình nhưng không được nên V xuống xe giúp D, H đẩy chị Y lên xe. Sau đó, H chỉ cho anh B lái xe đến đoạn đường băng hầm trú máy bay phía sau Phủ T thuộc địa phận Thôn M, xã N, huyện S, Hà Nội, H bắt chị Y xuống xe quỳ xin lỗi. D lấy kéo cắt tóc chị Y, chị Y van xin và không cho D cắt tóc thì H dùng tay tát vào mặt, đâm vào bụng chị Y buộc chị Y để cho D cắt tóc và dùng điện thoại của mình ghi lại cảnh D cắt tóc chị Y, thấy vậy anh B can ngăn nhưng không được nên bỏ đi. Tiếp đó, D, H bắt chị Y tháo dây chuyền vàng và bỏ chiếc điện thoại của chị Y ra vì cho rằng đó là tài sản của chồng D mua cho Y. H cầm điện thoại để tháo sim thì thấy 1.000.000 đồng trong ốp lưng điện thoại, H đưa cho chị Y nhưng do sợ hãi, chị Y đưa 1.000.000 đồng đó cho D, D cầm 1.000.000 đồng và chiếc dây chuyền vàng, còn điện thoại thì trả lại cho Y. Sau đó, H gọi taxi rồi cùng D đưa chị Y đến quán tạp hóa phía sau chợ huyện S để H xuống mua sô bắt chị Y viết cam kết không quan hệ với anh H thì bị Công an huyện S phát hiện bắt giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2017/HSST ngày 17.5.2017 của Tòa án nhân dân huyện S, Hà Nội đã xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị D, Nguyễn Thị H(tức M), Nguyễn Văn V phạm tội "Cướp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị D 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H (tức M) 40 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2017, bị cáo Lê Thị D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo;

Ngày 26/5/2017, các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; ngày 28/7/2017, bị cáo Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ điều tra lại vụ án để minh oan cho bị cáo.

Ngày 22/5/2017, chị Văn Thị Y có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Thị D, Nguyễn Thị H yêu cầu xem xét lại hành vi của các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn V đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án minh oan cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về Việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản”

theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Đánh giá vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo D là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H, bị cáo V và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại nên giữ vai trò chính; bị cáo H tham gia tích cực, trực tiếp dùng chân, tay đánh bị hại; bị cáo V tuy không trực tiếp dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của người bị hại; nhưng bị cáo có mặt trong suốt quá trình các bị cáo D, H thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo V tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần. Xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội; nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Lê Thị D 42 tháng tù; bị cáo Nguyễn Thị H 40 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn V 36 tháng tù là có phần nghiêm khắc; tại phiên tòa, người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p, điểm h (đối với bị cáo V) khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 (đối với bị cáo V); Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị D mức án từ 37 đến 40 tháng, bị cáo Nguyễn Thị H mức án 36 đến 38 tháng, bị cáo Nguyễn Văn V mức án từ 27 đến 30 tháng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V trình bày lời bào chữa:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo, người bị hại thì thấy sự việc xảy ra ngày 30/5/2017 giữa các bị cáo và người bị hại, ý thức của các bị cáo là đi đánh ghen, không có ý thức cướp tài sản của người bị hại; Việc chị D đi đánh ghen trên đường đi mới gọi cho các bị cáo V và H cùng đi. Khi lên xe taxi, bị cáo mới được bị cáo D cho biết sự Việc anh H (chồng bị cáo D) có quan hệ với cô Y (là nhân viên cũ quán karaoke của bị cáo D) nên muốn gặp Y để răn đe không được quan hệ với chồng bị cáo D. Khi xuống chặn xe chở Y, yêu cầu Y xuống xe thì chỉ có bị cáo D và bị cáo H xuống xe nói chuyện với Y, còn bị cáo V ra chỗ khác đứng đợi; bị cáo D không hề phân công cho bị cáo V đứng bảo vệ bên ngoài. Kết luận điều tra lại cho rằng bị cáo D phân công cho bị cáo V

đứng bảo vệ bên ngoài là không đúng; khi có tiếng chuông ở điện thoại của Y, sợ anh Hchồng bị cáo gọi đến cho Y sẽ lộ chuyện bị cáo D đi đánh ghen nên D bảo H cầm máy của Y tắt đi; khi tháo ốp điện thoại, H thấy có 02 tờ loại 500.000 đồng rơi ra; H tắt máy và giao điện thoại và tiền cho Y; lúc này bị cáo D hỏi chị Y “có phải đây chuyện và tiền anh H tặng cho mày không”? Y trả lời đúng và tự nguyện tháo dây chuyền và tiền đưa cho D; khi sự việc xảy ra nêu trên, V không tham gia mà đứng ở ngoài đường để gọi taxi. Với diễn biến sự việc nêu trên, chưa đủ cơ sở để kết tội bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo và người bị hại trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không nhận tội, cho rằng các bị cáo không có hành vi “Cướp tài sản”. Tuy nhiên, căn cứ lời khai ban đầu của các bị cáo, người bị hại phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ tại hiện trường, nội dung đĩa DVD thu được từ điện thoại của các bị cáo đều thể hiện: Xuất phát từ việc nghi ngờ chị Văn Thị Y có quan hệ bất chính với chồng mình, chiều 30/5/2016, khi thấy xe taxi chở chị Y, Lê Thị D đã thuê xe taxi do anh Đỗ Văn B lái bám theo xe chở chị Y. Trên đường đi, D gọi điện cho Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị H đi cùng để đánh ghen. Đến đoạn đường mới thuộc thôn D, xã T thì D bảo lái xe chặn đầu xe của Y. D, H xuống xe yêu cầu chị Y sang xe taxi của D. Chị Y không đồng ý thì D dùng tay tát 02 cái vào mặt chị Y rồi cùng H lôi chị Y sang xe của mình nhưng không được nên V xuống xe giúp D, H đẩy chị Y lên xe. Sau đó, H, V chỉ cho anh B lái xe đến đoạn đường băng hầm trú máy bay phía sau Phủ T thuộc địa phận Thôn M, xã N, huyện S, Hà Nội là nơi ít người qua lại, H bắt chị Y xuống xe quỳ xin lỗi. D lấy kéo cắt tóc chị Y, chị Y van xin và không cho D cắt tóc

thì H dùng tay tát vào mặt, đâm vào bụng chị Y buộc chị Y để cho D cắt tóc và dùng điện thoại của mình ghi lại cảnh D cắt tóc chị Y. Thấy vậy, anh B can ngăn nhưng không được nên bỏ đi. Tiếp đó, D, H bắt chị Y tháo dây chuyền vàng và bỏ chiếc điện thoại của chị Y ra vì cho rằng đó là tài sản của chồng D mua cho Y. H cầm điện thoại để tháo sim thì thấy 1.000.000 đồng trong ốp lưng điện thoại, H đưa cho chị Y nhưng do sợ hãi, chị Y đưa 1.000.000 đồng đó cho D, D cầm 1.000.000 đồng và chiếc dây chuyền vàng. Với hành vi bắt ép bị hại đưa đến chỗ hoang vắng ít người qua lại, dùng vũ lực đâm, tát bị hại, đe dọa bắt bị hại giao nộp tài sản, hành vi trên của các bị cáo D, H đã làm tê liệt ý chí của chị Y; do sợ, chị Y đã phải giao tài sản của mình cho các bị cáo. Hành vi trên của các bị cáo D, H đã cấu thành tội “Cướp tài sản”. Đối với bị cáo V, khi bị cáo D xuống xe yêu cầu chị Y lên xe nhưng chị Y không chịu lên xe taxi của bị cáo, chính bị cáo V và bị cáo H đi xuống xe giúp bị cáo D kéo chị Y vào xe; khi chị Y lên xe taxi của các bị cáo thì chính V và H là người chỉ cho lái xe đưa chị Y đến địa điểm vắng người; đến nơi, V cùng các bị cáo D, H đưa chị Y xuống xe; khi các bị cáo D, H đánh, cắt tóc chị Y và yêu cầu chị Y đưa tài sản, tuy bị cáo V không trực tiếp đánh, chiếm đoạt tài sản của chị Y, nhưng bị cáo đứng gần đó không có hành động can ngăn mà im lặng; hành vi trên của bị cáo V đã tiếp nhận ý chí và củng cố về mặt tinh thần cho các bị cáo D, H thực hiện hành vi phạm tội. Với diễn biến hành vi nêu trên của bị cáo V có đủ cơ sở xác định bị cáo V đã có hành vi phạm tội “Cướp tài sản” với vai trò đồng phạm giúp sức cho các bị cáo D, H. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Đánh giá vai trò, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, thì thấy: Bị cáo D là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H, bị cáo V và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại, nhân thân đã có 01 tiền án (đã được xóa án tích) nên giữ vai trò chính và phải chịu mức án cao nhất; bị cáo H tham gia tích cực, trực tiếp đánh bị hại, yêu cầu bị hại đưa tài

sản; bị cáo V tham gia có mức độ, không trực tiếp dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của người bị hại; nhưng bị cáo có mặt, đứng gần đó im lặng trong suốt quá trình các bị cáo D, H thực hiện hành V phạm tội; hành V của bị cáo V tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần; các bị cáo H, V nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tuy tại phiên tòa các bị cáo không nhận tội nhưng tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, lời nói sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đề nghị xem xét hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của bị cáo để khoan hồng cho bị cáo; tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho người bị hại và người bị hại cũng đề nghị khoan hồng cho các bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nguyên nhân phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, thái độ và nhân thân các bị cáo, xét thấy không thể cho các bị cáo được hưởng án treo như yêu cầu kháng cáo của người bị hại.

Về án phí: Theo qui định của pháp luật, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 133; các điểm p, điểm h (đối với bị cáo V) khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 47 (đối với bị cáo H, bị cáo V) Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị D 38 (ba mươi tám) tháng tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H (tức M) 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 28 (hai mươi tám) tháng tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2016 đến ngày 12/9/2016.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27.2.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Thị D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn V không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 07/9/2017.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa